

Thứ tư, ngày 15 tháng 12 năm 2021

Vietnam Daily Review

Giá đóng cửa của VN-Index đứng hình...mất ba ngày!

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 16/12/2021		•	
Tuần 13/12-17/12/2021		•	
Tháng 12/2021		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Ai rồi cũng khác, ngoại trừ giá đóng cửa của VN-Index trong ba phiên hôm nay. Sau một ngày kéo co giành quyền kiểm soát trong biên độ 14 điểm, cuối cùng phe bán đã giành được chiến thắng không mấy huy hoàng: VN-Index giảm 0.52 điểm. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 6/19 ngành tăng điểm nhẹ, trong đó ngành Truyền thông tiếp tục giữ ngôi đầu bảng với mức tăng gần 3%. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Thị trường đang trải qua những phiên tích lũy liên tiếp với giá đóng cửa các phiên biến động chặt chẽ. Bên cạnh đó, nhà đầu tư cũng cần lưu ý, mai là phiên đảo hạn hợp đồng tương lai.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của chỉ số VN30.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 15/12/2021, các chứng quyền tăng nhẹ khi thị trường giằng co.

Phân tích kỹ thuật: SGP_Hồi phục (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **-0.52** điểm, đóng cửa **1,475.50** điểm. HNX-Index **-0.98** điểm, đóng cửa **453.70** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **MSN (+1.26)**, **BCM (+1.08)**, **NVL (+0.71)**, **VCB (+0.55)**, **VHM (+0.54)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VIC (-2.45)**, **BID (-0.42)**, **GVR (-0.41)**, **VPB (-0.40)**, **HVN (-0.37)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **23,462** tỷ đồng, giảm **7.0%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 25,916 tỷ đồng.
- Biên độ dao động là 13 điểm. Thị trường có **197** mã tăng, 45 mã tham chiếu và **264** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-143.09** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VPB (-344.07 tỷ)**, **NLG (-51.19 tỷ)**, **GVR (-31.53 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-6.59** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyễn Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

VN-INDEX **1475.50**
Giá trị: 23462.09 tỷ **-0.52 (-0.04%)**
Khối ngoại (ròng): -143.09 tỷ

HNX-INDEX **453.70**
Giá trị: 3079.01 tỷ **-0.98 (-0.22%)**
Khối ngoại (ròng): -6.59 tỷ

UPCOM-INDEX **111.72**
Giá trị: 1559.52 tỷ **-0.37 (-0.33%)**
Khối ngoại(ròng): 11.05 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	70.2	-0.76%
Giá vàng	1,769	-0.09%
Tỷ giá USD/VND	23,046	0.23%
Tỷ giá EUR/VND	25,988	0.43%
Tỷ giá JPY/VND	20,269	0.27%
LS liên NH 1 tháng	1.2%	15.99%
LS TPCP 5 năm	0.8%	-16.67%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VIC	97.6	VPB	-344.1
VHM	70.0	NLG	-51.2
VNM	26.5	GVR	-31.5
BCM	26.2	KBC	-24.8
VPI	26.1	CII	-24.6
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu hàng hóa	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Khuyến nghị dài hạn	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 15/12

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	70.15	-0.82%	-3.10%	-12.00%	48.88%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	73.20	-0.68%	-3.50%	-9.70%	45.44%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	UScent/gallon	210.18	-0.43%	-2.20%	-7.30%	59.18%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1772.78	0.11%	-0.60%	-4.80%	-5.39%		PNJ
Bạc	USD/ounce	21.97	0.11%	-2.10%	-12.30%	-16.29%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1263.75	-0.06%	-0.40%	0.60%	20.73%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	784.25	-0.35%	-1.30%	-5.30%	28.51%		AFX
Sữa	USD /cwt	18.61	-0.05%	-0.50%	2.90%	7.63%	VNM, GTN	KDC
Cao su*	JPY/kg	208.76	0.84%	0.30%	3.40%		DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	19.65	0.05%	0.90%	-2.30%	44.70%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	US cent/lb	237.15	0.19%	-2.50%	11.20%	77.64%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD /ton	9412.00	-0.38%	-1.90%	-3.10%	20.94%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép*	USD/ton	689.40	-0.10%	-1.10%	11.10%		HSG, HPG	PC1, CTD
Thép HRC*	USD/ton	717.66	0.65%	-0.90%	8.20%			
Nhôm	USD/ton	2628.50	-0.96%	0.00%	-2.60%	29.51%		CAV, SAM
Quặng sắt*	USD/ton	103.09	-0.92%	-1.40%	21.10%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	149.80	1.42%	11.30%	21.80%	91.93%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu Brent giảm 69 US cent hay 0.9% xuống 73.7 USD/thùng, dầu WTI giảm 56 US cent hay 0.8% xuống 70.73 USD/thùng.
- Giá dầu giảm sau khi Cơ quan Năng lượng Quốc tế IEA cho biết biến chủng Omicron làm giảm sự phục hồi nhu cầu toàn cầu.

Giá vàng

- Vàng giao ngay giảm 0.9% xuống 1,771.66 USD/ounce. Vàng Mỹ kỳ hạn tháng 2/2022 đóng cửa giảm 0.9% xuống 1,772.3 USD/ounce.
- Giá vàng giảm gần 1% sau khi giá sản xuất của Mỹ tăng làm đẩy lên dự đoán tăng lãi suất sớm hơn dự kiến trước cuộc họp kéo dài hai ngày của Cục dự trữ liên bang.

Giá sắt thép

- Giá quặng sắt giao ngay hàm lượng 62% Fe xuất sang Trung Quốc tăng 7 USD lên 115 USD/tấn trong ngày 13/12.
- Giá thép trên sàn giao dịch Thượng Hải tăng trong phiên sáng khi chính sách tiền tệ và lập trường gần đây của Bắc Kinh mang lại hy vọng nhu cầu thép phục hồi trong nửa đầu năm 2022.
- Thép thanh tăng 0.8% lên 4,382 CNY/tấn. Thép cuộn cán nóng đóng cửa tăng 1.7% lên 4,550 CNY/tấn. Thép không gỉ giao tháng 1/2022 tăng 1.8% lên 16,025 CNY/tấn.

Giá cao su

- Hợp đồng cao su kỳ hạn tháng 5/2022 trên sàn giao dịch Osaka giảm 1.5 JPY hay 0.6% xuống 235.3 JPY (2.1 USD)/kg, sau khi tăng hơn 3% trong phiên trước đó.
- Cao su Nhật Bản giảm, đảo lại chiều tăng của phiên trước đó, do lo ngại về sự lây lan của biến chủng Omicron kéo dài trong khi lo lắng về sản xuất ô tô chậm lại trong bối cảnh thiếu chip và linh kiện.

Giá nông sản

- Cà phê Arabica kỳ hạn tháng 3/2022 đóng cửa tăng 0.2% lên 2.3715 USD/lb. Cà phê Robusta kỳ hạn tháng 3/2022 tăng lên 2,297 USD/tấn do thị trường tiếp tục được hỗ trợ bởi xuất khẩu giảm từ Việt Nam, nhà sản xuất Robusta hàng đầu thế giới.
- Đường thô kỳ hạn tháng 3 tăng 0.05% lên 19.65 US cent/lb. Đường trắng kỳ hạn tháng 3/2022 giảm 0.2% xuống 509 USD/tấn.

	15/12	% 15/12	14/12	% 14/12	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1475.50	-0.04%	1476.02	-0.01%	1.56%	-0.07%
S&P 500			4634.09	-0.75%	-1.12%	-0.33%
HĐTL S&P500	4636.50	0.18%	4628.00	-0.68%	-1.19%	-0.76%
Shang- hai	3647.63	-0.38%	3661.53	-0.53%	0.28%	3.24%
Euro Stoxx	4165.78	0.51%	4144.51	-0.92%	-1.59%	-5.03%

Phân tích kỹ thuật

SGP_Hồi phục

- Điểm nhấn kỹ thuật:**
- Xu hướng hiện tại: Hồi phục
 - Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD nằm trên đường tín hiệu
 - Chỉ báo RSI: vùng mua quá, xu hướng tăng.

Nhận định: SGP đang nằm trong xu hướng tích lũy ngắn hạn quanh ngưỡng 36.4. Thanh khoản cổ phiếu đã vượt lên ngưỡng giao dịch trung bình 20 phiên, đồng thuận với xu hướng tăng của cổ phiếu. Chỉ báo MACD và chỉ báo RSI đang ủng hộ xu hướng tăng giá. Đường giá cổ phiếu cũng đã vượt lên đường MA20 và kiểm tra lại ngưỡng MA50 và cho thấy xu hướng tăng giá đang hình thành. Nhà đầu tư có thể mở vị thế tại ngưỡng 37.5, chốt lãi tại ngưỡng 44.0 và cắt lỗ nếu cổ phiếu mất ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn 34.2.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

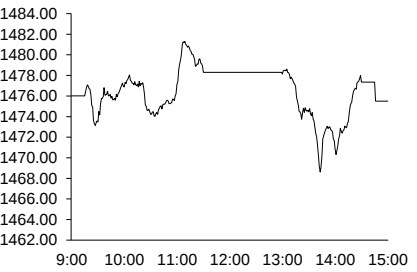
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Truyền thông	2.87%
Y tế	0.94%
Thực phẩm và đồ uống	0.65%
Bán lẻ	0.38%
Ngân hàng	0.32%
Tài nguyên Cơ bản	0.02%
Viễn thông	0.00%
Bất động sản	-0.03%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.04%
Công nghệ Thông tin	-0.06%
Ô tô và phụ tùng	-0.27%
Dầu khí	-0.34%
Xây dựng và Vật liệu	-0.36%
Hóa chất	-0.59%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.72%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.77%
Du lịch và Giải trí	-0.89%
Bảo hiểm	-0.93%
Dịch vụ tài chính	-1.55%

Hình 1

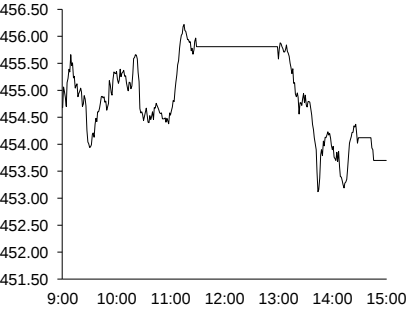
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thông kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

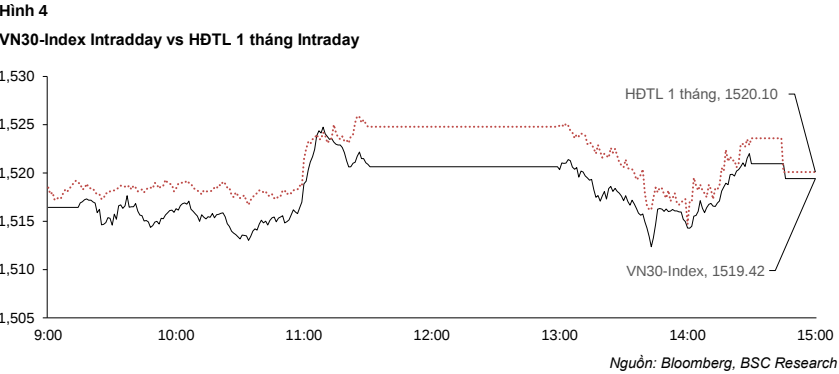
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
12/14/2021	PET	32.8	39.5	30	32.15	1	-1.98%	Có thể tiếp tục mua
12/13/2021	GEX	40.3	48	38.3	40.65	2	0.87%	Có thể giữ nguyên vị thế
12/10/2021	CTI	22.65	27	21.5	23	5	1.55%	Có thể giữ nguyên vị thế
12/9/2021	NT2	24	26.5	23	25.5	6	6.25%	Có thể tiếp tục mua
12/8/2021	PVC	14.8	18	14	15.2	7	2.70%	Có thể tiếp tục mua
12/7/2021	POW	14.85	17.5	13.75	16.1	8	8.42%	Có thể tiếp tục mua
12/2/2021	HDC	97.9	120	95	101	13	3.17%	Có thể tiếp tục mua
11/30/2021	CTD	80	92.5	73	91.2	15	14.00%	Cần nhắc không mua thêm (**)
11/25/2021	PDR	94.2	108.3	90	94	20	-0.21%	Có thể giữ nguyên vị thế
11/16/2021	NTP	62.8	72.1	59.5	60.7	29	-3.34%	Có thể giữ nguyên vị thế
11/15/2021	MWG	139.4	154.5	132	135.9	30	-2.51%	Có thể giữ nguyên vị thế
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

Thông kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
12/6/2021	G36	23.6	30.5	21.6	SL	9	-8.47%
12/3/2021	C69	22	26.5	19.8	SL	3	-10.00%
12/1/2021	VGT	26.9	33.7	24	SL	5	-10.78%
11/29/2021	HHV	24.3	28.7	23.2	SL	7	-4.53%
11/26/2021	FCN	18.6	23.95	17.3	TP	13	28.76%
11/24/2021	FPT	97.9	112	95.3	SL	12	-2.66%
11/23/2021	VJC	132	142.2	126	SL	6	-4.55%
11/22/2021	DNW	27	30.3	26.5	SL	7	-1.85%
11/19/2021	CSM	22.4	26.5	21	SL	6	-6.25%
11/18/2021	PAN	40	46	37	SL	18	-7.50%
11/17/2021	TCM	80.4	95	77.2	SL	12	-3.98%
11/14/2021	TIP	52.2	60.5	50.8	SL	8	-2.68%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	7	4	5.28%	-2.01%	2.63%	12
Cổ phiếu đã chốt	220	149	14.47%	-7.63%	5.55%	25

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2112	1520.10	0.11%	0.68	-20.8%	118,443	12/16/2021	3
VN30F2201	1519.30	0.15%	-0.12	0.0%	5,895	1/20/2022	38
VN30F2203	1516.00	0.33%	-3.42	527.3%	345	3/17/2022	94
VN30F2206	1516.90	0.29%	-2.52	184.7%	484	6/16/2022	185

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 tăng 2.98 điểm lên 1519.42 điểm. Các cổ phiếu như MSN, TPB, NVL, HDB, VHM, MBB tác động tích cực đến vận động của VN30. Nhịp biến động nhẹ hôm nay tiếp tục phản ánh xu hướng giao dịch thận trọng của các nhà đầu tư trước phiên đáo hạn HĐLT vào thứ 5.
- Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Trong cả hai hạng mục khối lượng giao dịch và vị thế mở, chỉ có HĐ VN30F2112 giảm, các HĐ còn lại đều tăng. Điểm số biến động nhẹ cùng với số lượng hợp đồng mở tiếp tục tăng mạnh tại VN30F2201 đang cho thấy xu hướng tích lũy của dòng tiền vào hợp đồng này. Các nhà đầu tư nên giao dịch thận trọng trong những phiên cuối đáo hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CPNJ2108	2/10/2022	57	14:1	44,100	30.64%	1,500	790	12.86%	322	2.46	111,980	97,000	96,000
CMWG2110	1/26/2022	42	12:1	17,600	32.12%	2,500	880	8.64%	751	1.17	149,360	131,000	135,900
CNVL2104	4/27/2022	133	20:1	182,400	31.01%	1,300	1,070	5.94%	643	1.66	129,288	108,888	115,000
CHPG2116	7/6/2022	203	4:1	119,200	35.01%	2,830	1,720	5.52%	376	4.57	65,530	61,410	47,800
CSTB2110	4/27/2022	133	8:1	269,800	40.76%	1,000	600	3.45%	287	2.09	38,399	29,999	28,350
CMWG2107	1/6/2022	22	3.32:1	203,200	32.12%	6,600	8,100	3.32%	8,009	1.01	187,000	165,000	135,900
CMBB2105	2/10/2022	57	1:1	153,300	33.19%	2,500	520	1.96%	72	7.23	38,970	36,000	28,500
CVRE2105	5/4/2022	140	5:1	172,300	34.49%	1,200	1,050	1.94%	609	1.72	34,400	30,000	30,400
CVRE2110	4/27/2022	133	8:1	97,700	33.92%	1,000	700	1.45%	230	3.05	33,039	29,999	30,400
CVJC2103	4/27/2022	133	20:1	31,900	21.60%	1,500	770	1.32%	242	3.19	162,199	129,999	124,000
CMWG2104	3/22/2022	97	6.64:1	219,900	32.12%	2,400	7,340	0.82%	7,128	1.03	141,700	135,000	135,900
CFPT2105	1/6/2022	22	4.94:1	584,300	25.22%	3,500	2,400	0.00%	2,247	1.07	100,935	86,000	95,900
CHPG2113	3/7/2022	82	4:1	28,200	35.01%	2,400	1,460	-0.68%	477	3.06	62,980	51,500	47,800
CPNJ2106	3/14/2022	89	5:1	400	30.64%	2,600	2,300	-1.29%	1,070	2.15	113,800	98,000	96,000
CVHM2112	2/10/2022	57	10:1	136,400	29.13%	1,500	870	-2.25%	343	2.53	89,300	84,000	82,600
CVIC2104	1/7/2022	23	8.88:1	97,400	28.92%	2,000	420	-4.55%	39	10.72	140,600	124,000	100,000
CVJC2101	1/6/2022	22	5:1	98,300	21.60%	3,550	1,600	-5.33%	1,062	1.51	135,650	120,000	124,000
CMBB2103	1/7/2022	23	1.48:1	183,300	33.19%	3,000	280	-6.67%	5	52.63	35,555	47,000	28,500
CHPG2109	1/10/2022	26	1:1	63,900	35.01%	4,000	530	-7.02%	139	3.82	56,720	55,000	47,800
CPNJ2104	1/7/2022	23	8:1	343,200	30.64%	2,400	310	-16.22%	22	13.99	127,000	110,000	96,000
Tổng				3,002,700	31.39%**								
Chú thích:													
Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất								CR: Tỷ lệ chuyển đổi					
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%								Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn					
**Trung bình độ lệch chuẩn								*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes					

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 15/12/2021, các chứng quyền tăng nhẹ khi thị trường giằng co.

- CACB2102 và CMWG2108 tăng trưởng tốt nhất, đều ở mức 61.11%. Giá trị giao dịch giảm nhẹ -4.08%. CMWG2110 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 12.17% thị trường.
- CMSN2105, CMSN2104, CMSN2107, và CMWG2104 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CPNJ2109, CPNJ2108, CVIC2106 và CPNJ2104 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CMWG2107, CMWG2104, và CMWG2109 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Bảng 2

Top tăng điểm VN30

CK	Giá	±giá (%)	Index pt
MSN	161.00	2.55	2.05
TPB	52.00	2.97	1.15
NVL	115.00	1.68	1.07
HDB	30.05	1.52	0.68
VHM	82.60	0.61	0.58

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3

Top giảm điểm VN30

CK	Giá	±giá (%)	Index pt
VIC	100.0	-2.44	-2.96
VPB	34.7	-1.00	-1.10
SSI	51.7	-1.90	-0.69
POW	16.1	-3.01	-0.26
KDH	48.2	-0.62	-0.14

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	135.9	0.4%	0.9	4,212	3.5	6,130	22.2	5.2	49.0%	25.2%
PNJ	Bán lẻ	96.0	-0.2%	1.0	949	1.0	4,214	22.8	3.9	47.2%	18.3%
BVH	Bảo hiểm	58.2	-0.5%	1.5	1,878	1.6	2,473	23.5	2.0	26.4%	8.9%
PVI	Bảo hiểm	50.4	-2.7%	0.5	513	0.8	4,211	12.0	1.6	56.8%	13.7%
VIC	Bất động sản	100.0	-2.4%	0.7	16,544	12.7	1,248	80.1	3.7	13.5%	5.1%
VRE	Bất động sản	30.4	0.7%	1.1	3,003	5.5	954	31.9	2.3	29.7%	7.4%
VHM	Bất động sản	82.6	0.6%	1.0	15,638	12.8	8,287	10.0	4.1	23.2%	40.3%
DXG	Bất động sản	34.0	2.1%	1.3	881	13.6	1,299		2.4	26.3%	10.3%
SSI	Chứng khoán	51.7	-1.9%	1.5	2,208	31.6	2,172	23.8	3.8	38.7%	19.4%
VCI	Chứng khoán	75.3	-1.6%	1.0	1,090	7.2	4,165	18.1	4.0	20.7%	26.7%
HCM	Chứng khoán	44.2	-2.0%	1.5	879	5.3	2,651	16.7	3.5	41.7%	22.1%
FPT	Công nghệ	95.9	0.2%	0.9	3,784	3.4	4,443	21.6	5.1	49.0%	25.1%
FOX	Công nghệ	74.6	0.8%	0.4	1,065	0.0	4,304	17.3	5.2	0.0%	30.0%
GAS	Dầu khí	97.7	-0.5%	1.3	8,130	2.0	4,283	22.8	3.8	2.7%	17.6%
PLX	Dầu khí	54.6	0.2%	1.5	3,016	3.2	2,650	20.6	2.8	17.1%	14.2%
PVS	Dầu khí	26.2	-1.1%	1.7	544	6.4	1,186	22.1	1.0	7.2%	4.6%
BSR	Dầu khí	21.3	-1.8%	0.8	2,871	6.7	(909)		2.1	41.1%	-8.7%
DHG	Dược	135.8	1.2%	0.3	772	0.2	6,020	22.6	4.9	54.3%	22.6%
DPM	Hóa chất	51.0	1.0%	0.8	868	10.3	4,018	12.7	2.2	9.4%	18.6%
DCM	Hóa chất	38.3	0.4%	0.7	880	11.0	1,701	22.5	3.1	5.2%	13.7%
VCB	Ngân hàng	99.9	0.6%	1.1	16,109	3.2	5,697	17.5	3.4	23.6%	20.8%
BID	Ngân hàng	44.9	-0.9%	1.3	7,852	2.8	2,449	18.3	2.2	16.7%	12.2%
CTG	Ngân hàng	32.3	-0.5%	1.3	6,738	7.6	3,449	9.3	1.6	25.3%	18.6%
VPB	Ngân hàng	34.7	-1.0%	1.2	6,697	37.6	2,781	12.5	2.5	15.2%	21.9%
MBB	Ngân hàng	28.5	0.9%	1.2	4,682	7.9	2,940	9.7	1.9	23.2%	21.7%
ACB	Ngân hàng	33.4	0.3%	1.0	3,924	3.1	3,599	9.3	2.1	30.0%	25.8%
BMP	Nhựa	60.2	0.3%	0.7	214	0.1	2,574	23.4	2.2	84.3%	9.1%
NTP	Nhựa	60.7	-0.2%	0.5	311	0.4	3,574	17.0	2.6	18.5%	15.4%
MSR	Tài nguyên	28.0	0.4%	0.7	1,338	0.6	39	717.9	2.2	10.1%	0.3%
HPG	Thép	47.8	0.2%	1.1	9,296	18.9	7,087	6.7	2.5	24.2%	45.6%
HSG	Thép	37.5	-0.3%	1.4	805	9.7	8,806	4.3	1.7	8.5%	49.6%
VNM	Tiêu dùng	86.3	0.0%	0.6	7,842	4.6	4,511	19.1	5.8	54.5%	31.2%
SAB	Tiêu dùng	152.5	-0.2%	0.8	4,252	0.5	5,883	25.9	4.6	62.6%	18.7%
MSN	Tiêu dùng	161.0	2.7%	0.9	8,264	8.5	2,031	79.3	8.8	32.1%	11.4%
SBT	Tiêu dùng	24.5	2.5%	1.2	670	3.9	1,066	23.0	1.9	7.5%	8.3%
ACV	Vận tải	81.1	-0.7%	0.8	7,676	0.1	577	140.6	4.7	3.7%	3.4%
VJC	Vận tải	124.0	0.0%	1.1	2,920	4.2	2,271		4.0	16.5%	7.7%
HVN	Vận tải	24.3	-2.6%	1.7	2,340	3.1	(6,523)		22.5	6.0%	-267.4%
GMD	Vận tải	50.3	3.3%	1.0	659	5.3	1,443	34.9	2.6	40.8%	7.4%
PVT	Vận tải	24.4	0.6%	1.3	343	3.7	2,443	10.0	1.6	13.1%	16.4%
VCS	Vật liệu xây dựng	114.4	-0.5%	0.9	796	0.4	10,231	11.2	3.9	3.7%	42.0%
VGC	Vật liệu xây dựng	56.0	-3.1%	0.4	1,092	3.4	2,122	26.4	3.8	3.5%	14.7%
HT1	Vật liệu xây dựng	24.2	1.0%	0.9	401	4.0	1,212	19.9	1.7	2.6%	8.2%
CTD	Xây dựng	91.2	3.3%	1.0	293	2.8	727	125.4	0.8	46.1%	0.7%
CII	Xây dựng	31.7	-0.9%	0.6	329	44.0	12	2672.8	1.6	18.9%	0.1%
REE	Điện	66.0	-3.9%	-1.4	887	1.6	5,541	11.9	1.6	49.0%	14.7%
PC1	Điện	40.8	2.4%	-0.4	417	4.7	2,804	14.5	2.1	5.3%	16.5%
POW	Điện	16.1	-3.0%	0.6	1,639	18.1	1,240	13.0	1.2	2.8%	10.0%
NT2	Điện	25.5	-1.4%	0.5	319	2.3	2,063	12.4	1.8	14.7%	14.5%
KBC	Khu công nghiệp	55.7	-0.9%	1.1	1,380	19.3	1,706	32.6	2.0	15.4%	7.2%
BCM	Khu công nghiệp	63.0	7%	1.0	2,835	4.2			4.3	1.8%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
MSN	161.00	2.55	1.22	1.23MLN
BCM	63.00	6.96	1.10	1.56MLN
NVL	115.00	1.68	0.73	3.44MLN
VCB	99.90	0.60	0.58	732300
VHM	82.60	0.61	0.56	3.59MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VIC	0.00	-2.46	2.90MLN	1.11MLN
BID	0.00	-0.42	1.43MLN	607060
GVR	0.00	-0.41	2.61MLN	373600
VPB	0.00	-0.40	24.97MLN	192700
HVN	0.00	-0.37	2.90MLN	611640

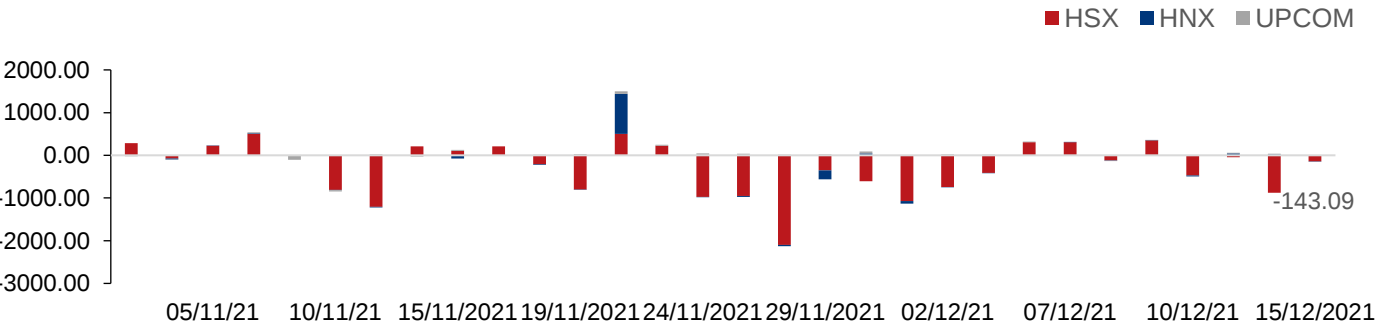
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DCL	42.80	7.00	0.04	625900.00
VOS	20.70	6.98	0.05	2.11MLN
BCM	63.00	6.96	1.10	1.56MLN
CEE	17.70	6.95	0.01	70600
RDP	13.90	6.92	0.01	950100

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCF	262.00	-10.27	-0.21	400
VSI	24.10	-7.66	-0.01	700
PTC	29.30	-6.98	-0.01	20900.00
IDI	16.00	-6.98	-0.07	14.71MLN
BBC	61.40	-6.97	-0.02	3100

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	AGG	Bất động sản	Mua	19/05/21	62.1	N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	Click
2	ANV	Thủy sản	Mua	27/06/21	32.4	38.7	34.6	1,267	27.3	1.8	Click
3	BSR	Dầu khí	Mua	4/11/21	24.5	28.4	21.3	-909	#N/A N/A	2.1	Click
4	CEO	Bất động sản	Theo dõi	7/6/21	10.8	N/A	45.3	-511	#N/A N/A	4.2	Click
5	CSV	Hóa chất	Theo dõi	22/3/21	32.8	40.0	46.7	3,855	12.1	1.9	Click
6	DBC	Tiêu dùng bán lẻ	Theo dõi	16/9/21	62.9	69.6	76.1	8,518	8.9	1.8	Click
7	DCM	Bán lẻ	Mua	1/4/21	17.5	21.1	38.3	1,701	22.5	3.1	Click
8	DGC	Hóa chất	Mua	27/7/21	96.5	115.0	173.0	7,258	23.8	6.0	Click
9	DGW	Bán lẻ	Mua	24/2/21	92.1	110.3	123.6	4,942	25.0	7.5	Click
10	DPG	Bất động sản	KQ	10/6/21	39.3	N/A	75.0	5,988	12.5	3.8	Click
11	DPM	Bán lẻ	Mua	11/3/21	19.1	23.0	51.0	4,018	12.7	2.2	Click
12	DRC	Săm lốp	Mua	18/5/21	26.2	32.8	34.4	2,633	13.1	2.3	Click
13	DXG	Bất động sản	Mua	10/5/21	23.4	30.2	34.0	1,299	26.2	2.4	Click
14	ELC	CNTT	Mua	2/11/21	28.5	33.1	28.0	839	33.4	1.7	Click
15	FPT	CNTT	KQ	18/8/21	93.8	107.0	95.9	4,443	21.6	5.1	Click
16	GAS	Dầu khí	Mua	6/9/21	90.4	109.4	97.7	4,283	22.8	3.8	Click
17	HPG	VLXD	Mua	25/5/21	65.4	76.5	47.8	7,087	6.7	2.5	Click
18	HSG	VLXD	Theo dõi	14/5/21	37.4	47.8	37.5	8,806	4.3	1.7	Click
19	HUT	XD-BDS	Theo dõi	20/5/21	6.5	7.6	19.8	-1,113	#N/A N/A	1.9	Click
20	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	22.8	1,655	13.8	1.1	Click
21	ITD	CNTT	Mua	17/9/21	20.8	28.1	18.9	1,251	15.1	1.3	Click
22	KDH	Bất động sản	Theo dõi	31/8/21	39.8	N/A	48.2	1,856	26.0	3.2	Click
23	LHG	BDS khu CN	Theo dõi	22/7/21	49.2	55.7	51.4	6,706	7.7	1.8	Click
24	LTG	Nông nghiệp	Mua	23/3/21	35.8	41.8	36.9	3,858	9.6	1.1	Click
25	MSH	Dệt may	Mua	13/5/21	50.6	66.4	80.3	8,024	10.0	2.6	Click
26	MWG	Bán lẻ	Mua	23/11/21	138.6	154.4	135.9	6,130	22.2	5.2	Click
27	NKG	Thép	Nắm giữ	1/9/21	39.5	46.5	40.7	9,467	4.3	1.7	Click
28	NLG	Bất động sản	KQ	11/11/21	61.2	66.5	61.0	4,331	14.1	2.7	Click
29	NT2	Điện	Theo dõi	9/9/21	21.7	24.7	25.5	2,063	12.4	1.8	Click
30	PC1	Điện	Mua	7/6/21	26.8	32.8	40.8	2,804	14.5	2.1	Click
31	PET	Bán lẻ	Mua	2/3/21	17.7	21.2	32.2	2,201	14.6	1.7	Click
32	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	96.0	4,214	22.8	3.9	Click
33	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	96.0	4,214	22.8	3.9	Click
34	POW	Điện	Theo dõi	18/5/21	12.0	13.8	16.1	1,240	13.0	1.2	Click
35	REE	Điện	Mua	19/3/21	56.2	68.5	66.0	5,541	11.9	1.6	Click
36	SBT	Đường	Mua	26/3/21	22.7	27.6	24.5	1066.2	23.0	1.9	Click
37	SGP	Cảng biển	Mua	13/7/21	21.1	25.0	37.5	1,064	35.2	3.8	Click
38	SMC	Bán lẻ	Mua	13/5/21	39.6	48.6	45.2	16,115	2.8	1.2	Click
39	SZC	BDS khu CN	Mua	23/11/21	50.0	62.7	65.2	2,570	25.4	4.7	Click
40	TCD	Xây dựng	Mua	29/11/21	32.3	40.0	25.3	3,114	8.1	2.9	Click
41	VGT	Dệt may	Theo dõi	21/5/21	16.8	19.0	26.4	570	46.3	2.1	Click
42	VHC	Thủy sản	Mua	29/10/21	62.5	80.1	63.0	4,475	14.1	2.0	Click
43	VNM	Tiêu dùng bán lẻ	Mua	19/8/21	90.0	105.6	86.3	4,511	19.1	5.8	Click
44	VRE	Bất động sản	Theo dõi	16/8/21	28.1	34.1	30.4	954	31.9	2.3	Click
45	VSC	Cảng biển	Mua	10/9/21	63.8	77.0	44.7	3306.9	13.5	2.2	Click
46	VSH	Điện	Mua	30/9/21	27.7	35.0	28.9	1,559	18.5	1.8	Click
47	VTP	BCVT	Mua	28/4/21	80.5	87.1	74.8	3,256	23.0	6.4	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
2	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
4	Vĩ Mô Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
5	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
6	Vĩ mô Thị trường Quý III 2021	x		Click
7	Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
8	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
9	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
10	Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
11	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
12	Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
13	Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
14	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
15	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
16	Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
17	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
18	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
19	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
20	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
21	Banking Sector Outlook		x	Click
22	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
23	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
24	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
25	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
26	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
27	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
28	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
29	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
30	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
31	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
32	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
33	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
34	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
35	Fishery Outlook 2021		x	Click
36	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click
37	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click
38	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	x		Click
39	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
40	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
41	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
42	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639